

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 01 - 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Đình nguyên.

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST – HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2018; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê C, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Xóm H, xã D, huyện N, Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm S, xã D, huyện N, Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê V, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm H, xã D, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/10/2017, bản tự khai, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê V kết hôn với nhau vào ngày 24/10/2014 tại UBND xã D, huyện N, tỉnh Nghệ An; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường hay uống

rượu, tụ tập bạn bè nhiều lần nửa đêm mới về, nhiều khi uống rượu về chửi bới vợ con, không chịu tu chí làm ăn, không có ý thức xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa; từ tháng 7/2017 chị đưa con về nhà bố mẹ để sống và vợ chồng sống ly thân từ đó. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn anh Lê V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Lê V có 01 con chung là Lê N, sinh ngày 01/10/2014, hiện nay con đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Lê V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Chị Lê C khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê V đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không có mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử và có làm bản tự khai gửi đến Tòa án với nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê V khai thống nhất thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung như chị C trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh V sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc gần 04 năm mà không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng, khoảng từ năm 2016 trở lại đây do anh V bị tai nạn, làm ăn thua lỗ nhiều nên có vẻ nặng lời với chị C nhưng chưa bao giờ đánh đập vợ và không muốn ly hôn, nhưng chị C kiên quyết ly hôn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê V đồng ý thỏa thuận giao con chung cho chị Lê C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; do chị C không yêu cầu cấp dưỡng nên anh đồng ý.

Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Anh Lê V thống nhất như ý kiến của chị Lê C; vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa được thực hiện

theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê C được ly hôn anh Lê V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê N, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Lê C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lê V do chị Lê C không yêu cầu.

Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê V có hộ khẩu và nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Nghệ An và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự chấp hành pháp luật của các đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các văn bản tố tụng này, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và anh Lê V đã có ý kiến xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải và phiên tòa xét xử kèm theo bản tự khai ngày 22/12/2017. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử vụ án vắng mặt anh Lê V là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê C và anh Lê V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2014 tại UBND xã D, huyện N, tỉnh Nghệ An nên đây là

hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Lê C thấy rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh V thường hay uống rượu, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, không có ý thức xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần; từ tháng 7/2017 chị C đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân từ đó. Xét thấy cuộc hôn nhân này đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị C và anh V thỏa thuận đồng ý đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê C.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê N; sinh ngày 01/10/2014. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị C là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa hôm nay chị C giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Trong bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải và phiên tòa xét xử ngày 22/12/2017 anh Lê V thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lê C là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, do chị Lê C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê V.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê C ly hôn anh Lê V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê N; sinh ngày 01/10/2014 cho chị Lê C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản quyền này. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lê V do chị Lê C không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Lê C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003614 ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An. Chị Lê C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Lê V vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND h. Nam Đàn;
- Chi cục THADS h. Nam Đàn;
- UBND xã D, h. N, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

